

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

-----***-----

Bản án số: 261/2021/HC-PT

Ngày: 30/11/2021.

*V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----o0o-----

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hạnh;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Ông Nguyễn Tiến Dũng.

Thư ký phiên tòa: Bà Vy Minh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nhiệm, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 37/2021/TLPT-HC ngày 18 tháng 01 năm 2021 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 108/2020/HC-ST ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 9692/2021/QĐ-PT ngày 12 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn Công D, sinh năm 1955; địa chỉ: Số 12 Yên H, tổ 24, phường Yên H, quận Cầu G, thành phố Hà Nội; có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Lê Văn K - Văn phòng Luật sư 118 thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân quận Cầu G, thành phố Hà Nội;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Cầu G, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Việt H - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Cầu G, thành phố Hà Nội; có mặt (Văn bản ủy quyền ngày 28/6/2021).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Trần Đông D - Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất quận Cầu G và ông Hoàng Trung K1 - Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Cầu G (có mặt ông D)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân phường Yên H, quận Cầu G, thành phố Hà Nội; vắng mặt.
2. Công ty cổ phần Phan N; trụ sở: Nhà N8A-19 Nguyễn Thị T, khu đô thị Trung H, phường Nhân C, quận Thanh X, thành phố Hà Nội; vắng mặt.
3. Hợp tác xã đầu tư xây dựng thương mại Yên H; trụ sở: Số 229 Trung K, phường Yên H, quận Cầu G, thành phố Hà Nội; vắng mặt.
4. Bà Nguyễn Thị Mai X, sinh năm 1957; địa chỉ: Số 12 Yên H, tổ 24, phường Yên H, quận Cầu G, thành phố Hà Nội; có mặt.
5. Anh Nguyễn Công S, sinh năm 1995; địa chỉ: Số 12 Yên H, tổ 24, phường Yên H, quận Cầu G, thành phố Hà Nội; vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Công D, sinh năm 1955; địa chỉ: Số 12 Yên H, tổ 24, phường Yên H, quận Cầu G, thành phố Hà Nội; có mặt (Văn bản ủy quyền ngày 24/11/2017).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, người khởi kiện là ông Nguyễn Công D trình bày: Thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phần còn lại khu đô thị mới Cầu G (khu 2) thuộc phường Yên H, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) quận Cầu G đã ban hành Quyết định số 4513/QĐ-UBND ngày 25/10/2012 thu hồi 2.000,5 m² đất của hộ gia đình ông Nguyễn Công D đang quản lý, sử dụng theo sổ giao đất nông nghiệp. UBND quận Cầu G cũng ban hành Quyết định số 5058/QĐ-UBND ngày 15/11/2012 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ 1.683.626.000 đồng khi thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Nguyễn Công D, cụ thể như sau:

- + Bồi thường 2.000,5 m² đất: 504.126.000 đồng.
- + Bồi thường, hỗ trợ hoa màu: 0.
- + Bồi thường, hỗ trợ công trình: 0.
- + Hỗ trợ ổn định đời sống: 0.
- + Hỗ trợ về đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường, theo khoản 3 Điều 13 Quyết định 108/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 của UBND thành phố Hà Nội 1.176.500.000 đồng.
- + Thưởng tiền độ: 3.000.000 đồng.

Ngoài ra, hộ gia đình ông Nguyễn Công D còn sử dụng một số diện tích đất khác được xác định thuộc quyền quản lý, sử dụng của UBND phường Yên H và Hợp tác xã đầu tư xây dựng thương mại Yên H, cũng thuộc phạm vi giải phóng

mặt bằng. Vì vậy, UBND quận Cầu G cũng ra các quyết định phê duyệt các phương án bồi thường, hỗ trợ như sau:

- Tại Quyết định số 4321/QĐ-UBND ngày 15/10/2012 đối với 1.038,4 m² đất với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 283.606.800 đồng gồm:

+ Bồi thường về đất cho UBND phường Yên H là 261.676.800 đồng;

+ Bồi thường hoa màu trên đất cho hộ gia đình ông Nguyễn Công D là 21.930.000 đồng.

+ Hỗ trợ công trình: 0.

- Tại Quyết định số 1279/QĐ-UBND ngày 02/4/2013 đối với 4.141,8 m² đất với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 1.132.473.600 đồng, gồm:

+ Bồi thường về đất cho Hợp tác xã đầu tư xây dựng, thương mại Yên H là 1.043.733.600 đồng.

+ Bồi thường hoa màu trên đất cho hộ gia đình ông Nguyễn Công D là 88.740.000 đồng.

+ Hỗ trợ công trình: 0.

- Tại Quyết định số 1280/QĐ-UBND ngày 02/4/2013 đối với 1.301,1 m² đất với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 357.882.200 đồng, gồm:

+ Bồi thường về đất cho Ủy ban nhân dân phường Yên H là 327.877.200 đồng.

+ Bồi thường hoa màu trên đất cho hộ gia đình ông Nguyễn Công D là 30.005.000 đồng.

+ Hỗ trợ công trình: 0.

- Tại Quyết định số 1283/QĐ-UBND ngày 02/4/2013 đối với 1.369 m² đất với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 373.123.000 đồng, gồm:

+ Bồi thường về đất cho UBND phường Yên H là 344.988.200 đồng.

+ Bồi thường hoa màu trên đất cho hộ gia đình ông Nguyễn Công D là 28.135.000 đồng.

+ Hỗ trợ công trình: 0.

UBND quận Cầu G đã nhiều lần thông báo yêu cầu hộ gia đình ông Nguyễn Công D đến nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng nhưng do không đồng ý với chính sách bồi thường, hỗ trợ nên ông Nguyễn Công D không nhận tiền và không bàn giao mặt bằng. Do đó, Chủ tịch UBND quận Cầu G đã ban hành Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 về việc cưỡng chế thu hồi đất, sau đó tổ chức cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Nguyễn Công D vào ngày 03/6/2015.

Ngày 30/5/2016, ông Nguyễn Công D nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân quận Cầu G. Ngày 10/6/2016, ông Nguyễn Công D nộp đơn

bổ sung khởi kiện đối với các quyết định phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất như nêu trên.

Tòa án nhân dân quận Cầu G ra Thông báo số 04/TB-TA ngày 05/7/2016 chuyển đơn khởi kiện của ông Nguyễn Công D đến Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội để giải quyết theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

Ông Nguyễn Công D tiếp tục gửi đơn khởi kiện bổ sung với yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội hủy:

- Quyết định số 5058/QĐ-UBND ngày 15/11/2012 của UBND quận Cầu G phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết khi thu hồi 2.000,5 m² đất.

- Quyết định số 4321/QĐ-UBND ngày 15/10/2012 của UBND quận Cầu G phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết khi thu hồi 1.038,4 m² đất.

- Quyết định số 1283/QĐ-UBND ngày 02/4/2013 của UBND quận Cầu G phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết khi thu hồi 1.369 m² đất.

- Quyết định số 1280/QĐ-UBND ngày 02/4/2013 của UBND quận Cầu G phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết khi thu hồi 1.301 m² đất.

- Quyết định số 1279/QĐ-UBND ngày 02/4/2013 của UBND quận Cầu G phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết khi thu hồi 4.141,8 m² đất.

- Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 của Chủ tịch UBND quận Cầu G về cưỡng chế thu hồi đất.

- Cho rằng Chủ tịch UBND quận Cầu G tổ chức cưỡng chế thu hồi đất ngày 03/6/2015 là trái pháp luật.

Đồng thời, ông Nguyễn Công D buộc UBND quận Cầu G phải thực hiện lại chính sách bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất.

Lý do khởi kiện của ông Nguyễn Công D nêu trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng được tóm tắt như sau:

Thứ nhất: Ông Nguyễn Công D cho rằng UBND quận Cầu G và UBND phường Yên H lập phương án bồi thường, hỗ trợ thiếu về tài sản trên phần diện tích 2.000,5 m² đất hộ gia đình ông Nguyễn Công D được giao sản xuất nông nghiệp, UBND quận Cầu G xác định chủ thể sử dụng đất là hộ gia đình ông Nguyễn Công D là đúng. Tuy nhiên, UBND quận Cầu G không bồi thường, hỗ trợ về tài sản trên đất là không đúng, gây thiệt hại đến quyền lợi của hộ gia đình,

Thứ hai: Ông Nguyễn Công D cho rằng UBND quận Cầu G và UBND phường Yên H xác định sai chủ thể sử dụng đất.

- Đối với diện tích 4.141,8 m² đất được UBND quận Cầu G phê duyệt bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 1279/QĐ-UBND ngày 02/4/2013 và theo Văn bản số 234/DA-ĐCXĐ ngày 12/10/2012 của UBND phường Yên H xác nhận nguồn gốc đất thì:

Trong 4.141,8 m² đất có 2.230 m² đất hộ gia đình nhận giao thầu của Hợp tác xã nông nghiệp Yên H để thả cá theo hợp đồng thuê đất có thời hạn 03 năm ký lại 1 lần. Khi thực hiện dự án mương nước Phần Lan đã bị thu hồi một phần, chỉ còn lại 1.830 m² đất. Diện tích 1.911,8 m² (4.141,8 m² - 2.230 m²) còn lại trong tổng diện tích này thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình có nguồn gốc khai hoang, san lấp để canh tác ổn định từ 1985 đến nay. Hợp tác xã nông nghiệp cũng kê khai, vào sổ bộ thuế đất nông nghiệp và thu thuế đất đối với hộ gia đình. Tuy nhiên, khi thu hồi đất, UBND quận Cầu G và UBND phường Yên H đã gộp chung 02 loại đất có nguồn gốc khác nhau để áp dụng chung chính sách bồi thường, hỗ trợ là không đúng.

- Đối với diện tích 3.708,4 m² đất được UBND quận Cầu G phê duyệt bồi thường, hỗ trợ tại 3 quyết định:

- + Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 15/10/2012 đối với 1.038,4 m²,
- + Quyết định số 1280/QĐ-UBND ngày 02/4/2013 đối với 1.301 m².
- + Quyết định số 1283/QĐ-UBND ngày 02/4/2013 đối với 1.369 m².

Ông Nguyễn Công D cho rằng toàn bộ 3.708,4 m² đất nêu trên trước đây là vùng trũng, ao chuôm nhỏ không là đất nông nghiệp canh tác, không hệ thống mương nội đồng nên Hợp tác xã bỏ hoang, không giao cho gia đình nào canh tác. Do có ruộng và ao liền kề nên hộ gia đình ông Nguyễn Công D đã khai hoang, phục hóa, san lấp và sử dụng ổn định từ 1985 đến nay. Năm 1987 khi triển khai dự án mương nước Phần Lan đã bị lấy một phần đất. Diện tích 3.708,4 m² đất nêu trên do hộ gia đình ông Nguyễn Công D quản lý, sử dụng đến khi giải phóng mặt bằng. Ông Nguyễn Công D cho rằng UBND quận Cầu G và UBND phường Yên H xác định chủ sử dụng đất là UBND phường Yên H và Hợp tác xã đầu tư xây dựng, thương mại Yên H để không bồi thường, hỗ trợ về đất cho hộ gia đình là trái pháp luật.

*** Người bị kiện là Chủ tịch và UBND quận Cầu G do người đại diện theo ủy quyền trình bày:** UBND quận Cầu G đã thực hiện đúng quy trình và áp dụng đúng chính sách để bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Nguyễn Công D. UBND quận Cầu G cũng đã trả lời kiến nghị, đề nghị, vận động nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng nhưng hộ gia đình ông Nguyễn Công D không thực hiện nên Chủ tịch UBND quận Cầu G ra Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 cưỡng chế thu hồi đất là đúng. Chủ tịch và UBND quận Cầu G đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công D.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- UBND phường Yên H do người đại diện theo ủy quyền trình bày: UBND phường Yên H giữ nguyên nội dung của 5 bản xác nhận nguồn gốc và hiện trạng sử dụng đất có liên quan đến hộ gia đình ông Nguyễn Công D, nhất trí với phê

duyet bồi thường, hỗ trợ về đất đối với diện tích công do UBND phường Yên H quản lý.

- Hợp tác xã đầu tư xây dựng, thương mại Yên H nhất trí với phê duyệt bồi thường, hỗ trợ về đất đối với diện tích của mình quản lý và không trực tiếp tham gia tổ tụng.

- Công ty Cổ phần Phan N là chủ thể được giao một phần đất sau giải phóng mặt bằng nhất trí với hoạt động thu hồi đất của UBND quận Cầu G và không trực tiếp tham gia tổ tụng.

Kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại, các đương sự có mặt không tranh chấp về tài liệu, chứng cứ các bên đã giao nộp cho Tòa án; không yêu cầu, đề nghị Tòa án xác minh, thu thập bổ sung chứng cứ. Các đương sự không tranh chấp về thẩm quyền mà UBND quận Cầu G phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất; không tranh chấp về thẩm quyền, trình tự thủ tục Chủ tịch UBND quận Cầu G ban hành quyết định và tổ chức cưỡng chế thu hồi đất,

Nội dung còn mâu thuẫn của các đương sự trong vụ án là việc:

- Xác định chủ sử dụng 1.911,8 m² và 3.708,4 m² đất mà ông Nguyễn Công D cho rằng Hộ gia đình đã khai hoang từ 1985, sử dụng ổn định, không tranh chấp để từ đó phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thực hiện dự án.

- Việc không bồi thường, hỗ trợ về tài sản trên diện tích 2.000,5 m² đất của hộ gia đình do không tiến hành thủ tục kê khai, kiểm đếm.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 108/2020/HC-ST ngày 15/6/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công D đối với các Quyết định UBND quận Cầu G về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phần còn lại khu đô thị mới Cầu G (khu 2). Cụ thể:

- Quyết định số 5058/QĐ-UBND ngày 15/11/2012;
- Quyết định số 4321/QĐ-UBND ngày 15/10/2012;
- Quyết định số 1279/QĐ-UBND ngày 02/4/2013;
- Quyết định số 1280/QĐ-UBND ngày 02/4/2013;
- Quyết định số 1283/QĐ-UBND ngày 02/4/2013.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công D đề nghị hủy Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 của Chủ tịch UBND quận Cầu G cưỡng chế thu hồi đất đối với Hộ gia đình ông Nguyễn Công D;

3. Bác yêu cầu khởi kiện Nguyễn Công D đề nghị tuyên bố hành vi trái pháp luật của Chủ tịch UBND quận Cầu G tổ chức cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Nguyễn Công D ngày 03/6/2015.

4. Bác yêu cầu của ông Nguyễn Công D buộc UBND quận Cầu G phê duyệt lại phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phần còn lại khu đô thị mới Cầu G (khu 2).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, thông báo quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/6/2020, người khởi kiện là ông Nguyễn Công D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Công D, bà Nguyễn Thị Mai X và Luật sư bảo vệ quyền lợi của ông D đều trình bày năm 1985 gia đình ông D được bà Kim Thị T - Chủ nhiệm Hợp tác xã Yên H giao cho 2,5 mẫu ruộng tại cánh đồng Gò C, phường Yên H sử dụng ổn định, không tranh chấp cho đến khi bị thu hồi nên ông D phải được bồi thường đối với diện tích đất này và diện tích đất khai hoang. Tuy nhiên, ông D lại không được xác định là chủ sử dụng đất và biên bản kiểm đếm đối với các diện tích đất này thể hiện có cây ổi là không đúng với hiện trạng thực tế. Mặt khác, trên diện tích 2000,5m² ông D được giao theo NĐ64/CP có rất nhiều công trình xây dựng trên đất, nhưng không được thể hiện tại biên bản kiểm đếm và gia đình ông D không được bồi thường giá trị tài sản trên đất là vi phạm xác định nguồn gốc đất, đối tượng sử dụng đất trong quá trình kiểm đếm gây thiệt hại rất lớn cho gia đình ông D. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông D, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện khẳng định trong các diện tích đất ông D sử dụng bị thu hồi có 2000,5m² đất được giao theo Nghị định số 64/CP đủ điều kiện được bồi thường, còn 03 diện tích đứng tên chủ sử dụng là UBND phường Yên H và 01 diện tích đứng tên chủ sử dụng là Hợp tác xã đầu tư xây dựng thương mại Yên H quản lý. UBND phường Yên H căn cứ vào hồ sơ quản lý đất đai xác nhận nguồn gốc đất theo quy định của pháp luật. Việc giải phóng mặt bằng được thực hiện công khai, minh bạch; có Tổ công tác và người dân cùng tham gia kiểm đếm tài sản trên đất, được lập biên bản đầy đủ. Trên cơ sở đó, UBND quận Cầu G thành lập hội đồng xem xét, quyết định. Biên bản kiểm kê hiện trạng ngày 22/6/2012 đối với diện tích 2000,5m² thể hiện trên đất không có tài sản, cây cối. Do đó, các tài sản ông D xây dựng trên đất là tài sản phát sinh sau thời điểm thu hồi đất, vi phạm công trình xây dựng và không được cấp có thẩm quyền cho phép nên không được bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật. UBND quận Cầu G ban hành các quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi

thu hồi đất thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật phần còn lại khu đô thị mới Cầu G (khu 2) là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án, nghe các bên đương sự trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã kết luận: Ông D chỉ tranh chấp và đề nghị xác định ông D là chủ sử dụng đất đối với 04 thửa đất mà ông D cho rằng đã khai hoang; đồng thời đề nghị xem xét lại việc kiểm đếm bồi thường về tài sản trên đất thu hồi. Tuy nhiên, ông D không cung cấp được giấy tờ chứng minh diện tích đất trên là đất khai hoang, tài liệu địa chính thể hiện diện tích 3.078m² đất là bờ vùng, bờ thửa không phải nộp thuế đất nông nghiệp nên UBND quận Cầu G xác định chủ sử dụng và bồi thường giá trị quyền sử dụng đất cho UBND phường Yên H khi thu hồi đất là có cơ sở. Đối với diện tích đất đứng tên Hợp tác xã đầu tư xây dựng thương mại Yên H, ông D thừa nhận Hợp tác xã đứng tên sổ bộ chủ sử dụng nên việc xác định Hợp tác xã đầu tư xây dựng thương mại Yên H là chủ sử dụng là có căn cứ. Ông D xuất trình xác nhận của một số người ở Hợp tác xã Yên H về việc sử dụng đất không phải là căn cứ xác định chủ sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu về việc không kiểm đếm tài sản trên diện tích 2000,5m² đất thấy: Tại biên bản kiểm kê hiện trạng diện tích đất, tài sản trên đất và cây cối hoa màu trên đất ngày 22/6/2012 trên diện tích 2000,5m² đất của gia đình ông D thể hiện Tổ công tác đã kiểm kê xác định không có tài sản, cây cối trên đất. Biên bản kiểm kê hiện trạng ngày 10/7/2012 đối với diện tích 1.038,4m² có chữ ký của ông D thể hiện không có nhà xưởng, kios. Ông D xây dựng nhà xưởng sau thời điểm thu hồi nên việc ông D yêu cầu bồi thường tài sản xây dựng trên diện tích 2000,5m² đất là không phù hợp. Đối với quyết định cưỡng chế thu hồi đất: UBND quận Cầu G và các cơ quan chức năng có liên quan đã nhiều lần vận động ông D nhận tiền, bàn giao đất nhưng ông D không thực hiện nên Chủ tịch UBND quận Cầu G ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất là đúng quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa; kết quả tranh luận và trình bày của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt. Các đương sự này đều không có kháng cáo và đã có ý kiến trình bày trong hồ sơ vụ án. Các đương sự có mặt tham gia phiên tòa và đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đều đề

ngợi Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử. Hội đồng xét xử phúc thẩm thảo luận thấy đây là phiên tòa mở lần thứ 2, các đương sự vắng mặt không có kháng cáo, không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên quyết định tiến hành xét xử.

[1.2] Về ý kiến đề nghị giám định và triệu tập người làm chứng của ông D: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, ông D đề nghị giám định chữ viết, chữ ký tên ông D tại tờ khai về đất đai, tài sản gắn liền với đất trong chỉ giới thu hồi thực hiện dự án ngày 10/7/2012. Tuy nhiên, tại biên bản kiểm kê hiện trạng diện tích đất, tài sản trên đất và cây cối hoa màu cùng ngày 10/7/2012 đối với diện tích đất này thể hiện chủ sử dụng đất là UBND phường Yên H, loại đất: Đường mugong nội đồng; chủ tài sản trên đất là ông Nguyễn Công D và thể hiện có 146 cây ổi ông D trồng trên đất. Biên bản này có chữ ký của ông D với tư cách chủ sở hữu tài sản. Tại Bản xác nhận số 215 ngày 09/7/2012 của UBND phường Yên H cũng thể hiện diện tích 1.038,4m² đất là đất đường mugong nội đồng và trên đất có 146 cây ăn quả. Như vậy, bản xác nhận của UBND phường Yên H phù hợp với Biên bản kiểm kê hiện trạng ngày 10/7/2012 có chữ ký xác nhận của ông D và đều thể hiện chủ sử dụng đất là UBND phường Yên H. Do đó, việc ông D yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết tên ông D tại tờ khai về đất đai, tài sản gắn liền với đất của ông D ngày 10/7/2012 không làm thay đổi bản chất về chủ sử dụng đất đối với diện tích 1.038,4m² đất, số lượng cây trên đất bị thu hồi và đã được phê duyệt bồi thường theo các quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường mà UBND quận Cầu G đã ban hành. Thực tế đến thời điểm này dự án đã được thực hiện xong nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu giám định của ông D.

Đối với đề nghị triệu tập một số người làm chứng là những người làm việc trước đây tại Hợp tác xã Yên H và UBND phường Yên H đến phiên tòa thấy những người này đều có ý kiến trình bày trong hồ sơ nên không cần thiết phải triệu tập những người này đến tham gia phiên tòa phúc thẩm.

[1.3] Về việc đề nghị xem xét tài liệu, chứng cứ là bản gốc 05 biên bản kiểm kê hiện trạng diện tích đất, tài sản trên đất và cây cối hoa màu đối với các diện tích đất ông D đang khởi kiện: Hội đồng xét xử phúc thẩm đã yêu cầu UBND quận Cầu G cung cấp bản gốc các biên bản kiểm tra nêu trên. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 30/11/2021, Hội đồng xét xử phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Luật sư và các đương sự đã tiến hành kiểm tra, đối chiếu bản gốc công khai các tài liệu này.

[1.4]. Đối tượng khởi kiện vụ án hành chính:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định các Quyết định số 5058/QĐ-UBND ngày 15/11/2012, Quyết định số 4321/QĐ-UBND ngày 02/4/2012, Quyết định số 1279/QĐ-UBND ngày 02/4/2013, Quyết định số 1280/QĐ-UBND ngày

02/4/2013, Quyết định số 1283/QĐ-UBND ngày 02/4/2013 của Ủy ban nhân dân quận Cầu Giấy về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của hộ gia đình ông Nguyễn Công D để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật phần còn lại khu đô thị mới Cầu Giấy; Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Cầu Giấy về việc cưỡng chế thu hồi đất và hành vi tổ chức cưỡng chế thu hồi đất ngày 03/6/2015 đối với hộ gia đình ông Nguyễn Công D là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính.

[1.5] Thời hiệu khởi kiện:

Các quyết định của Ủy ban nhân dân quận Cầu Giấy về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất liên quan đến hộ ông D được ban hành từ năm 2012 và năm 2013. Ông D thừa nhận đã nhận được, biết được các quyết định hành chính từ năm 2013, nhưng do phải điều trị biến chứng tổn thương gan tại Bệnh viện 304 kéo dài trong nhiều năm nên không khởi kiện trong thời hiệu 01 năm theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 104 Luật Tố tụng hành chính năm 2010 (nay là điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2016). Tuy nhiên, ông D không cung cấp được các tài liệu chứng minh ông điều trị bệnh nên không thể thực hiện được quyền khởi kiện để làm căn cứ xác định thời hiệu khởi kiện do trở ngại khách quan để không tính vào thời hiệu khởi kiện theo khoản 3 Điều 104 Luật Tố tụng hành chính năm 2010 (nay là khoản 4 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2016). Ngày 30/5/2016, ông Nguyễn Công D có đơn khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định trên là đã hết thời hiệu khởi kiện. Tuy nhiên, thực tế ông D có đơn khiếu nại đối với chính sách bồi thường, hỗ trợ liên quan đến việc thu hồi đất. Ngày 19/01/2016, Ủy ban nhân dân quận Cầu Giấy đã ban hành Thông báo số 46/UBND-GPMB trả lời đơn kiến nghị của ông D với nội dung: Các phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của gia đình đã được Ủy ban nhân dân quận Cầu Giấy phê duyệt là đúng chính sách quy định cùng thời điểm. Như vậy, văn bản này có chứa đựng nội dung giải quyết khiếu nại nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính để xác định đơn khởi kiện của ông D đảm bảo thời hiệu khởi kiện là có căn cứ và đúng với hướng dẫn tại Điều 4 mục III Công văn số 89/TANDTC-PC ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân tối cao.

[1.6]. Thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án:

Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 30; khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[1.7]. Đơn kháng cáo của đương sự:

Ngày 23/6/2020, ông Nguyễn Công D có đơn kháng cáo hợp lệ, được gửi trong thời hạn và thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định tại các Điều 205, 206 Luật Tố tụng hành chính và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 20/12/2016 của Ủy ban Thường vụ của Quốc hội nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm thể hiện ông Nguyễn Công D nhất trí với chủ trương và mục đích thực hiện dự án, không khiếu kiện về thẩm quyền của Ủy ban nhân dân quận Cầu Giấy phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất; không khiếu kiện về thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Cầu Giấy ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất, không khiếu kiện về số lượng diện tích đất đã thu hồi đối với ông Nguyễn Công D để thực hiện dự án. Ông D khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định hành chính liên quan đến việc phê duyệt phương án bồi thường và cưỡng chế thu hồi đất với lý do: Xác định chủ sử dụng đối với diện tích đất thu hồi không đúng nên lập phương án bồi thường không đúng trong khi gia đình ông D đã sử dụng ổn định từ năm 1985 đến thời điểm thu hồi đất, không có tranh chấp và không bồi thường về tài sản trên diện tích 2000,5m² đất đã thu hồi.

[2.2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Công D đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.2.1] Đối với diện tích 3.708,4m² đất được Ủy ban nhân dân quận Cầu Giấy ban hành quyết định phê duyệt bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 15/10/2012 đối với diện tích 1.038,4m²; Quyết định số 1280/QĐ-UBND ngày 02/4/2013 đối với diện tích 1.031m² và Quyết định số 1283/QĐ-UBND ngày 02/4/2013 đối với diện tích 1.369m²:

Ông D cho rằng toàn bộ diện tích 3.708,4m² nêu trên là vùng trũng, ao chuôm nhỏ, không phải là đất ruộng canh tác, không có hệ thống đường mương nội đồng nên Hợp tác xã bỏ hoang, không giao cho hộ dân nào sử dụng. Gia đình ông D có ruộng, ao liền kề nên đã khai hoang phục hóa, san lấp và canh tác từ năm 1985 đến nay. Tuy nhiên, ông D không cung cấp được giấy tờ liên quan đến việc được giao quản lý, sử dụng đất theo quy định của pháp luật, tại phiên tòa sơ thẩm ông D cũng thừa nhận diện tích đất này trước đó đã được Hợp tác xã giao cho một số hộ gia đình sản xuất, chỉ sau khi bị ảnh hưởng bởi dự án thoát nước Phần Lan nên các hộ gia đình không sử dụng nữa thì ông D mới sử dụng. Như vậy, việc ông D cho rằng gia đình ông khai hoang, sử dụng đất từ năm 1985 là không phù hợp về thời điểm vì dự án mương nước Phần Lan được triển khai thực hiện năm 1987. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông D cũng thừa nhận không đăng ký kê khai quyền sử dụng đất đối với diện tích đất này.

Hồ sơ quản lý đất đai thể hiện diện tích 1.038,4m² đất gồm 03 thửa: Thửa số 99 diện tích 934m²; thửa số 71a diện tích 48,9m² và thửa số 71b diện tích 55,5m². Tại tờ khai đất đai, tài sản gắn liền với đất bị thu hồi thực hiện dự án ngày

10/7/2012 của ông D cũng thể hiện: Ông D kê khai chủ sử dụng đất là Ủy ban nhân dân phường Yên H và tài sản trên diện tích đất này thuộc sở hữu của ông. Diện tích 1.369m^2 là nguyên thửa số 127, TĐĐ đo đạc năm 1992. Diện tích $1.301,1\text{m}^2$ là diện tích đất thuộc các thửa 107 a diện tích 65m^2 ; 127b diện tích $343,5\text{m}^2$; thửa 127c diện tích $383,4\text{m}^2$; thửa số 127d diện tích $332,4\text{m}^2$; thửa số 126a diện tích $176,8\text{m}^2$. Đây là diện tích các bờ vùng, bờ thửa, đất nương nội đồng không phải đóng thuế nên không có tên trong sổ bộ thuế sử dụng đất nông nghiệp. Do đó, Ủy ban nhân dân quận Cầu G xác định thu hồi đất và phê duyệt bồi thường $3.708,4\text{m}^2$ đất cho Ủy ban nhân dân phường Yên H là có cơ sở.

[2.2.2] Đối với diện tích $4.141,8\text{m}^2$ đất có 2.230m^2 đất hộ gia đình giao nhận thầu của Hợp tác xã nông nghiệp Yên H để thả cá theo hợp đồng thuê đất. Ông D cho rằng năm 1987 triển khai dự án mương nước Phần Lan qua phần đất thuê nên diện tích đất thuê chỉ còn 1.830m^2 ; diện tích còn lại $1.911,8\text{m}^2$ ($4.141,8-2.230$) do gia đình ông tự khai hoang san lấp sử dụng ổn định từ năm 1985 nên đủ điều kiện được nhận tiền đền bù đối với diện tích $1.911,8\text{m}^2$. Theo Bản đồ đo đạc năm 1992 thì diện tích đất này gồm các thửa số 97 diện tích 550m^2 ; thửa số 98 diện tích 162m^2 ; thửa số 103 diện tích 288m^2 ; thửa số 104 diện tích 900m^2 ; thửa số 102 diện tích $1.821,9\text{m}^2$ và thửa số 125a diện tích $419,9\text{m}^2$. Theo sổ bộ thuế sử dụng đất nông nghiệp thể hiện tại dòng cuối cùng ghi nhận: Chủ sử dụng là Hợp tác xã, có tổng diện tích 234.691m^2 trong đó bao gồm diện tích $4.141,8\text{m}^2$ đất do ông D sử dụng. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện UBND quận Cầu G cũng khẳng định ông D chiếm dụng đất sử dụng, không phải là đất khai hoang. Vì vậy, ông D cho rằng gia đình khai hoang diện tích $1.911,8\text{m}^2$ đất để được bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích này khi Nhà nước thu hồi đất là không có cơ sở chấp nhận. Ủy ban nhân dân phường Yên H xác định chủ sử dụng đất là Hợp tác xã đầu tư xây dựng thương mại Yên H và Ủy ban nhân dân quận Cầu G xác định thu hồi đất và phê duyệt bồi thường đất cho Hợp tác xã đầu tư xây dựng thương mại Yên H là có cơ sở.

[2.2.3] Đối với yêu cầu của ông D cho rằng Ủy ban nhân dân quận Cầu G không kiểm đếm tài sản là nhà xưởng, kios... trên diện tích $2.000,5\text{m}^2$ đất bị thu hồi để bồi thường, hỗ trợ thấy: Tại biên bản kiểm kê hiện trạng diện tích $2.000,5\text{m}^2$ đất ngày 22/6/2012 thể hiện trên diện tích đất này không có tài sản. Thực tế, ngày 10/7/2012, ông D đã ký tờ khai đất đai, tài sản gắn liền với đất bị thu hồi và Biên bản kiểm kê hiện trạng diện tích đất, tài sản trên đất và cây cối hoa màu trong phạm vi giải phóng mặt bằng thể hiện các cơ quan tham mưu của Ủy ban nhân dân quận Cầu G đã tiến hành thủ tục kê khai tài sản khi thực hiện dự án. Do đó, ông D cho rằng chưa kiểm đếm tài sản trên đất thu hồi để bồi thường, hỗ trợ là không có cơ sở. Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân phường Yên H và Ủy ban nhân dân quận Cầu G thể hiện tài sản trên đất là các công trình xây dựng như nhà mái tôn, tường vây tôn... được xây dựng năm 2010 sau khi có Quyết

định số 6780/QĐ-UBND ngày 28/12/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc thu hồi đất để xây dựng hạ tầng kiến trúc phần còn lại khu đô thị mới Cầu G và vi phạm công trình xây dựng nên không được bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

[2.2.4] Về căn cứ ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất và tổ chức thực hiện cưỡng chế thu hồi đất: Ủy ban nhân dân quận Cầu G đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ; thông báo nhận tiền bồi thường hỗ trợ và bàn giao mặt bằng thực hiện dự án nhưng hộ gia đình ông D không chấp hành. Ủy ban nhân dân quận Cầu G đã thành lập Ban cưỡng chế và đã nhiều lần vận động, thuyết phục hộ gia đình ông D bàn giao mặt bằng, nhưng gia đình ông D không thực hiện. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Cầu G ban hành Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 03/2/2015 cưỡng chế thu hồi đất và tổ chức cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông D là có cơ sở. Việc ông D lấy lý do không đồng ý với chính sách bồi thường và khiếu nại chưa được giải quyết để không bàn giao đất là không phù hợp với quy định tại điểm d khoản 3 Điều 69; Điều 71 Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

[2.2.5] Đối với kháng cáo của ông D cho rằng không có quyết định cưỡng chế kiểm đếm tài sản trên đất thấy rằng: Hồ sơ vụ án thể hiện tất cả các diện tích đất bị thu hồi đều đã được thực hiện kiểm kê hiện trạng diện tích đất, tài sản trên đất và cây cối hoa màu theo đúng quy định của Luật Đất đai năm 2003 (có hiệu lực tại thời điểm thu hồi đất). Tuy nhiên, do gia đình ông D không hợp tác điều tra xác minh, ký biên bản nên Tổ công tác đã căn cứ quy định tại mục a, khoản 2 Điều 53 Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội để lập biên bản, báo cáo Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư và UBND quận; đồng thời căn cứ hồ sơ quản lý nhà đất hiện có để lập, phê duyệt phương án là đúng với các quy định của pháp luật tại thời điểm đó. Đến Luật Đất đai năm 2013 mới có điều 70 quy định về cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc trong trường hợp chủ sử dụng không hợp tác. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Công D.

[2.2.7] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên thấy Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông D đối với các quyết định của Ủy ban nhân dân quận Cầu G về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật phần còn lại khu đô thị mới Cầu G (Khu 2) và Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Cầu G về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông D; bác yêu cầu khởi kiện tuyên bố hành vi tổ chức cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Cầu G là trái pháp luật; buộc Ủy ban nhân dân quận Cầu G phê duyệt

lại phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật phần còn lại khu đô thị mới Cầu G (Khu 2) là có căn cứ.

[3] Về án phí: Do ông D là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính 2015; Căn cứ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Công D; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 108/2020/HC-ST ngày 15/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Công D không phải chịu án phí hành phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tp Hà Nội;
- VKSND tp Hà Nội;
- Cục THADS tp Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phương Hạnh